

Bản án số: 55/2020/HS-PT
Ngày 27-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ T**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Việt

Các Thẩm phán:

Ông Tạ Văn Thành

Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/7/2020 tại trụ sở TAND tỉnh Phú T xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 21/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T do có kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2019/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú T.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn Y**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/11/1960; Nơi cư trú: Khu 8, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Phó chủ tịch HĐND xã Liên H; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Con ông: Vũ Văn K (đã chết); Con bà: Hà Thị Đ (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị A, sinh năm 1963; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1984); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2019 đến ngày 26/4/2019 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang ở tại Khu 8, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Quang T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/02/1971; Nơi cư trú: Khu 4, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Chủ tịch UBND xã Liên H; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Con ông: Lê Xuân Đ (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1947, Vợ: Hà Thị Th, sinh năm 1971; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2019 đến ngày 26/4/2019 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng

biện pháp Bảo lãnh, hiện đang ở tại Khu 4, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Văn Y và Lê Quang T: Luật sư **Vũ Thị H** - Công ty Luật TNHH MTV Vũ H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Th. (Có mặt).*

Những người tham gia tố tụng khác Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N đã tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm của ông Lê Hồng H, sinh năm 1966 ở khu 5 xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Nội dung tố giác cán bộ, lãnh đạo công chức xã Liên H có nhiều sai phạm trong quản lý đất đai và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ thiên tai năm 2008-2010.

Quá trình điều tra, ngày 31/08/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đặng Trung K, sinh năm: 1982, Nơi cư trú: Khu 8, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T (cán bộ tư pháp UBND xã Liên H) về hành vi Giả mạo trong công tác quy định tại khoản 2 điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, cùng ngày Cơ quan CSĐT ra lệnh khám xét chỗ ở, nơi làm việc đối với Đặng Trung K. Quá trình khám xét thu giữ: *01 (một) chứng minh nhân dân số 131183324 mang tên Đặng Trung K do công an tỉnh Phú T cấp ngày 27/02/2012.*

Ngày 17/3/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Quang T, sinh năm: 1971, Nơi cư trú: Khu 4, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T (Chủ tịch UBND xã Liên H); Vũ Văn Y, sinh năm: 1960, Nơi cư trú: Khu 8, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T (Phó chủ tịch HĐND xã Liên H) về hành vi Giả mạo trong công tác quy định tại khoản 2 điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, cùng ngày cơ quan CSĐT ra lệnh khám xét chỗ ở, nơi làm việc đối với Lê Quang T và Vũ Văn Y. Quá trình khám xét chỗ ở, nơi làm việc của Lê Quang T thu giữ: *01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD719294 của Nguyễn Anh B, sinh năm: 1959 ở Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, được UBND huyện Phù N cấp ngày 27/02/2006 (bản photocopy có chứng thực); 01 (một) chứng minh nhân dân số 131166745 mang tên Lê Quang T do công an tỉnh Phú T cấp ngày 16/04/2018.* Quá trình thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam Vũ Văn Y thu giữ: *01 (một) chứng minh nhân dân số 130576264 mang tên Vũ Văn Y do công an tỉnh Phú T cấp ngày 11/06/2008; quá trình khám xét chỗ ở, nơi làm việc của Vũ Văn Y thu giữ: 01 (một) quyển vở bìa màu xanh ghi chữ số thu lệ phí chứng thực năm 2008.*

Ngày 03/4/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hoàng Kim Th, sinh năm: 1961, Nơi cư trú: Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T về hành vi Giả mạo trong công tác quy định tại khoản 2 điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, cùng ngày cơ quan CSĐT ra lệnh khám xét chỗ ở đối với Hoàng Kim Th. Quá trình khám xét thu giữ: 01 (một) đơn chuyển quyền sử dụng đất thửa số 553 diện tích 160m² tại xứ đồng Gò Voi, xã Liên H, huyện Phù N (bản photô); 01 (một) giấy chứng nhận QSDĐ số BH158474 mang tên Nguyễn Văn Thịnh (bản photô); 01 (một) bộ hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất thửa đất số 553 tờ bản đồ 20 khu vực Gò Voi, xã Liên H (toàn bộ hồ sơ là bản photô); 01 (một) chứng minh nhân dân số 130263055 mang tên Hoàng Kim Th do công an tỉnh Phú T cấp ngày 20/8/2011.

Ngày 03/4/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1962, Nơi cư trú: Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T (cán bộ địa chính UBND xã Liên H) về hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại khoản 2 điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Quá trình thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam thu giữ: 01 (một) chứng minh nhân dân số 130548781 mang tên Nguyễn Xuân T do Công an tỉnh Phú T cấp ngày 20/08/2011. Cùng ngày cơ quan CSĐT ra lệnh khám xét chỗ ở, nơi làm việc đối với Nguyễn Xuân T, quá trình khám xét thu giữ: 05 (năm) quyết định về việc nâng lương gồm Quyết định số 186 ngày 28/01/2010, quyết định số 554 ngày 01/03/2012, quyết định số 491 ngày 18/3/2014, quyết định số 161 ngày 03/02/2016, quyết định 495 ngày 09/4/2008; 04 (bốn) biên bản giao đất làm nhà ở gồm biên bản số 05 ngày 24/12/2008, số 09 ngày 24/12/2008, số 12 ngày 26/12/2008, biên bản giao đất ngày 02/10/2009.

Kết quả điều tra đã xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

1. Về hành vi phạm tội “Giả mạo trong công tác”:

1. 1. Đối với hành vi của Đặng Trung K:

Ngày 03/12/2010, UBND huyện Phù N có Quyết định số: 2765/QĐ-UBND về việc thu hồi và duyệt quy hoạch giao đất làm nhà ở tự xây cho 79 hộ dân xã Liên H, huyện Phù N. UBND xã Liên H đã có Tờ trình số: 15/TTr-UBND ngày 06/12/2010 kèm theo danh sách trình duyệt các hộ đủ điều kiện cấp đất làm nhà ở xã Liên H năm 2010, danh sách gồm 79 hộ dân trình UBND huyện và được UBND huyện duyệt ngày 14/12/2010 giao đất ở cho 79 trường hợp.

Tuy nhiên, Quá trình rà soát về thủ tục cấp đất của các hộ dân năm 2010 xác định Đặng Trung K từ tháng 8/2009 đến năm 2011 là Phó trưởng Công an xã Liên H có hành vi lập cấp sổ hộ khẩu không cho 18 trường hợp, trong đó có 14 trường hợp thực tế không có hộ khẩu thường trú tại xã Liên H, huyện Phù N (trong đó có 01 trường hợp cho vợ chồng em gái Kiên) và 04 trường hợp có hộ khẩu chung với gia đình bố mẹ đẻ tại xã Liên H nhưng lập không sổ hộ khẩu mới tách riêng hộ để các hộ trên hợp thức

điều kiện xin cấp đất năm 2010. Đến tháng 12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N đã cấp đất làm nhà ở cho 18 trường hợp trên. Cụ thể:

1: Ngày 20/8/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221925 cho chị Trần Thị Thủy Ng sinh năm 1981, Con là Lê Thanh Th, sinh năm 2003; nơi thường trú: ghi xã Liên H, Phù N, Phú T. Qua xác minh xác định chị Ng hiện có hộ khẩu thường trú tại phường Thọ Sơn - thành phố Việt Trì. Từ trước đến nay không có đăng ký nhân khẩu tại xã Liên H.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3270/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Trần Thị Thúy Ng (Trần Thị Thủy Ng) thửa đất số 220, tờ bản đồ số 34 với diện tích 175m² tại khu vực Dậm Dài, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

2: Ngày 12/4/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221316 cho chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988, Chồng Nguyễn Tiên H - sinh năm 1987, Con là Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 2009; nơi thường trú: ghi khu 6, xã Liên H, Phù N, Phú T. Qua xác minh xác định chị Th quê quán xã Liên H, từ năm 2008 lấy chồng và chuyển khẩu về xã Lê M, huyện Phù N và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3322/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Th (chồng Nguyễn Tiên H) thửa đất số 896, tờ bản đồ số 24 với diện tích 160m² tại khu vực Dốc Quắc, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

3: Ngày 12/10/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450161849 cho chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979, Chồng Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, Con là Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989; nơi thường trú: ghi khu 8, xã Liên H, Phù N, Phú T. Qua xác minh xác định chị H quê quán xã Liên H, chị H lấy chồng ở xã Tiên P và năm 2001 vợ chồng đã tách khẩu riêng tại xã Tiên P từ đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3306/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Thu H (chồng Nguyễn Văn H) thửa đất số 906, tờ bản đồ số 23 với diện tích 200m² tại khu vực Làng Yên, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

4: Ngày 20/8/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450161858 cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, con là Hoàng Trung H, sinh năm 2001; nơi thường trú: ghi khu 5, xã Liên H, Phù N, Phú T. Qua xác minh xác định chị H quê quán huyện Thanh B, từ năm 2008 chuyển khẩu từ xã Phượng L, thành phố Việt T về phường Nông Tr, thành phố Việt T và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3288/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị H (chồng Hoàng Thủy Đ) thửa đất số 974, tờ bản đồ số 24 với diện tích 245m² tại khu vực Bờ Đ, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

5: Ngày 20/5/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221322 cho chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989, chồng Nguyễn Xuân L, sinh năm 1985, con là Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 2010; nơi thường trú: ghi khu 5, xã Liên H, Phù N, Phú T. Qua xác minh xác định chị Ng quê quán xã Liên H. Thời điểm cấp sổ hộ khẩu không Ng vẫn có chung

khẩu với gia đình Nguyễn Xuân T, đến tháng 8/2010 Ng chuyển khẩu về gia đình chồng tại xã Tiên P. Chồng Ng là anh Nguyễn Xuân L có hộ khẩu thường trú tại xã Tiên P và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3291/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Ng (chồng Nguyễn Xuân L) thửa đất số 891, tờ bản đồ số 23 với diện tích 187m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

6: Ngày 20/8/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221375 cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985, vợ là Nguyễn Thị A, sinh năm 1990; nơi thường trú: ghi khu 7, xã Liên H, Phù N, Phú T. Qua xác minh xác định anh Hiếu quê quán xã Liên H. Thời điểm cấp sổ hộ khẩu không H có chung sổ hộ khẩu gia đình với ông Nguyễn Xuân Đ và năm 2011 mới đăng ký kết hôn với chị A.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3312/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Văn H (vợ Nguyễn Thị Đ) thửa đất số 976, tờ bản đồ số 24 với diện tích 160m² tại khu vực Dốc Quắc, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

7: Ngày 14/8/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221908 cho anh Lê Nguyên T, sinh năm 1976, vợ là Đặng Thị Tố Q, sinh năm 1983; nơi thường trú: ghi khu 8, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T (em gái K). Qua xác minh xác định anh T quê quán ở Hưng Y. Từ năm trước đến nay không có người nào tên là Lê Nguyên T có khẩu tại xã Liên H. (T là chồng Q và là em rể K).

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3271/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Lê Nguyên T (vợ Đặng Thị Tố Q) thửa đất số 221, tờ bản đồ số 34 với diện tích 175m² tại khu vực Dậm D, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

8: Ngày 15/5/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221371 cho chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959, con là Nguyễn Thành N, sinh năm 1996; nơi thường trú: ghi khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị Đ quê quán huyện Thanh B. Từ năm 1987 chuyển khẩu về phường Vân C, thành phố Việt T và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3286/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Đ (chồng Ngô Viết L) thửa đất số 972, tờ bản đồ số 24 với diện tích 255m² tại khu vực Bờ Đ, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

9: Ngày 30/10/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221919 cho chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982, chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; nơi thường trú: ghi khu 2, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị H quê quán xã Liên H. Từ tháng 5 năm 2010 chị H cắt chuyển khẩu về xã Đồng M, huyện Vĩnh B, thành phố Hải P và vợ chồng ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3284/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Thu H (chồng Nguyễn Văn T) thửa đất số 970, tờ bản đồ số 24 với diện tích 210m² tại khu vực Gò V, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

10: Ngày 25/10/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221918 cho chị Phạm Thị V, sinh năm 1952; nơi thường trú: ghi khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định bà V quê quán huyện Hạ H. Từ năm 2013 chuyển nhập khẩu về hộ gia đình con gái ở xã Liên H và ở đó đến nay.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3285/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Phạm Thị V (chồng: Không) thửa đất số 971, tờ bản đồ số 24 với diện tích 228m² tại khu vực Gò V, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

11: Ngày 20/12/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221932 cho chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1980, chồng là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960, con là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2002; nơi thường trú: ghi khu 6, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị H quê quán xã Liên H. Từ năm 2003 lấy chồng và cắt chuyển khẩu về xã Văn T, thành phố Yên B và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3302/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị H (chồng Nguyễn Văn Th) thửa đất số 902, tờ bản đồ số 23 với diện tích 200m² tại khu vực Làng Y, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

12: Ngày 15/8/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221929 cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982, chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, Con là Nguyễn Văn D sinh năm 2006; nơi thường trú: ghi khu 3, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị N quê quán xã Liên H. Từ tháng 4 năm 2009 xóa tên trong sổ hộ khẩu với gia đình bố mẹ đẻ tại xã Liên H, hiện Nam đang có khẩu tại xã Chân M, huyện Doanh H.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3333/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị N (chồng Nguyễn Văn T) thửa đất số 997, tờ bản đồ số 24 với diện tích 160m² tại khu vực Dốc Q, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

13: Ngày 05/01/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221931 cho chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1974, chồng là Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1968, Con là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994; nơi thường trú: ghi xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị Ng quê quán xã Liên H, từ năm 2004 cắt chuyển khẩu về xã Phú M, huyện Phù N và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Tháng 12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3323/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Ng (chồng Nguyễn Văn Ph) thửa đất số 987, tờ bản đồ số 24 với diện tích 160m² tại khu vực Dốc Q, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

14: Ngày 20/10/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221930 cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, chồng là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980, Con là Nguyễn Thị H, sinh năm 2008; nơi thường trú: ghi xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị M quê quán xã Liên H, từ năm 2006 lấy chồng và cắt chuyển khẩu về xã Lệ M và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3327/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị M (chồng Nguyễn Văn Th) thửa đất số 991, tờ bản đồ số 24 với diện tích 160m² tại khu vực Dốc Q, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

15: Ngày 20/10/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450221928 cho chị Trần Thị Kim D, sinh năm 1984, chồng là Phan Anh T, sinh năm 1979, Con là Phan Hồng T, sinh năm 2009; nơi thường trú: ghi Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị D quê quán xã Liên H. Thời điểm ký cấp sổ hộ khẩu không D vẫn đang có khẩu chung với gia đình bố mẹ đẻ tại xã Liên H, còn anh T có khẩu tại xã Vụ Q, huyện Đoan H.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3293/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Trần Thị Kim D (chồng Phan Anh T) thửa đất số 893, tờ bản đồ số 23 với diện tích 187m² tại khu vực Lâm Trường, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

16: Ngày 01/04/2010 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450062468 cho chị Phan Thị L, sinh năm 1984, chồng là Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; nơi thường trú: ghi xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị L quê quán xã Liên H. Thời điểm ký cấp sổ hộ khẩu không L vẫn đang có khẩu chung với gia đình bố mẹ đẻ tại xã Liên H, còn chồng là anh Đặng Nam Tr có khẩu tại xã Xuân H, huyện Lâm Th.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3297/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Phan Thị L (chồng Nguyễn Văn C) thửa đất số 897, tờ bản đồ số 23 với diện tích 200m² tại khu vực Làng Y, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

17: Ngày 11/9/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 169 cho anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1986, Vợ là Đặng Thị Q, sinh năm 1986; nơi thường trú: ghi Khu 8 xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định thời điểm ký cấp sổ hộ khẩu không, anh Th có khẩu thường trú tại xã Liên H nhưng trong sổ hộ khẩu gia đình với bà Ngày Thị S (mẹ đẻ), vợ anh Th là Q không có khẩu tại xã Liên H.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3308/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Ngọc Th (Vợ Đặng Thị Q) thửa đất số 908, tờ bản đồ số 23 với diện tích 206m² tại khu vực Làng Y, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

18: Ngày 20/10/2009 ký cấp không sổ hộ khẩu số 450161859 cho chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980, con là Chu Thị Thu Th, sinh năm 2006; nơi thường trú: ghi Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị H quê quán xã Liên H. Từ năm 2005 lấy chồng, chuyển khẩu về xã Lệ M và ở đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3287/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Thu H (chồng Chu Văn D) thửa đất số 973, tờ bản đồ số 24 với diện tích 231m² tại khu vực Bờ Đ, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N thu giữ 01 (một) quyển sổ hộ khẩu số 450221316 của chủ hộ Nguyễn Thị Th, 01 (một) quyển sổ hộ khẩu số 450221375 của chủ hộ Nguyễn Văn H mà Đặng Trung K ký cấp không. Còn lại 16 sổ hộ khẩu không của các hộ, không thu giữ được bản gốc, mà chỉ thu giữ được bản sao có chứng thực của UBND xã Liên H.

Ngày 29/8/2018 và ngày 02/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T giám định mẫu dấu của Công an

xã Liên H và chữ ký của Đặng Trung K được ký và đóng dấu trong quyển sổ hộ khẩu số 450221316 đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Th, sổ hộ khẩu số 450221375 của chủ hộ Nguyễn Văn H có phải là dấu của Công an xã Liên H và chữ ký của Đặng Trung K không. Tại bản kết luận giám định số: 897/KLGD-PC09 ngày 31/8/2018, số: 1017/KLGD-PC09 ngày 14/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T kết luận: *Hình dấu tròn có nội dung "Công an xã Liên H – Công an H.Phù N – T.Phú T" trên sổ hộ khẩu số 450221316 đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Th đề cấp ngày 12/04/2010, sổ hộ khẩu số 450221375 của chủ hộ Nguyễn Văn H đề cấp ngày 20/8/2010 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên "Biên bản thu hình mẫu dấu" là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Đặng Trung K dưới mục "Trưởng Công an xã" trên sổ hộ khẩu số 450221316 đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Th đề cấp ngày 12/04/2010, sổ hộ khẩu số 450221375 của chủ hộ Nguyễn Văn H đề cấp ngày 20/8/2010 so với chữ ký đứng tên Đặng Trung K trên "Biên bản thu mẫu chữ ký" là do cùng một người ký ra.*

1. 2. Đối với hành vi của Vũ Văn Y và Lê Quang T:

Ngày 01/11/2007, UBND huyện Phù N có Quyết định số: 1301/QĐ-UBND về việc thu hồi và duyệt quy hoạch giao đất làm nhà ở tự xây cho 32 hộ dân xã Liên H. Sau khi xét duyệt, UBND xã Liên H có Tờ trình số: 08/TTr-UBND ngày 25/3/2008 kèm theo danh sách trình duyệt các hộ đủ điều kiện cấp đất làm nhà ở xã Liên H năm 2007, danh sách gồm 31 hộ dân trình UBND huyện và được UBND huyện phê duyệt ngày 11/6/2008 giao đất ở cho 31 trường hợp này (còn 01 trường hợp xin rút đơn xin giao đất).

Quá trình rà soát về thủ tục cấp đất của các hộ dân năm 2008 xác định Vũ Văn Y là Trưởng Công an xã Liên H giai đoạn từ tháng 07/2004 đến tháng 06/2006 đã có hành vi cấp sổ hộ khẩu không cho 03 trường hợp, thực tế 03 hộ này không có hộ khẩu thường trú tại xã Liên H, huyện Phù N, để các hộ trên hợp thức đủ điều kiện xin cấp đất làm nhà ở năm 2008. Đến tháng 10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N đã cấp đất làm nhà ở cho 03 trường hợp trên. Cụ thể:

1: Ngày 10/12/2005 ký cấp không sổ hộ khẩu số 112 cho chị Lê Thị H, sinh năm 1970, chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; nơi thường trú: ghi Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định chị H quê quán xã Tiêu S, huyện Đoan H. Thời điểm ký cấp sổ hộ khẩu không chị H đăng ký HKTT tại xã Trạm Th, huyện Phù N và ở đó từ năm 1990 đến nay.

Ngày 07/10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 1585/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Lê Thị H thửa đất số 881, tờ bản đồ số 23 với diện tích 177m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

2: Ngày 12/12/2005 ký cấp không sổ hộ khẩu số 115 cho chị Nguyễn Thị Hằng Ng, sinh năm 1972, chồng là Nguyễn Văn L, sinh năm 1970, con là Nguyễn Văn D, sinh năm 2001; nơi thường trú: ghi khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định thời điểm ký cấp không sổ hộ khẩu như trên, chị Ng có quê quán xã Phú Nh, huyện Phù N và đăng ký nhân khẩu thường trú ở xã Phú Nh từ trước đến năm 2013 chuyển khẩu về thị trấn Phong Ch.

Ngày 07/10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 1584/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Hằng Ng thửa đất số 880, tờ bản đồ số 23 với diện tích 165m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

3: Ngày 10/12/2005 ký cấp không sổ hộ khẩu số 113 cho chị Nguyễn Minh H, sinh năm 1972, chồng là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971, con là Nguyễn Thùy L, sinh năm 2001; nơi thường trú: ghi Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định thời điểm cấp không sổ hộ khẩu, chị H đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Lê M và ở từ năm 2000 đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 07/10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 1586/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Minh H thửa đất số 882, tờ bản đồ số 23 với diện tích 210m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

Ngoài 03 sổ hộ khẩu không nêu trên, ngày 01/6/2004 Vũ Văn Y ký cấp sổ hộ khẩu không số 149 cho hộ Nguyễn Thị D, sinh năm 1945, con là Nguyễn Khánh V, sinh năm 1980; nơi thường trú: ghi Khu 8 xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Năm 2006 chủ tịch UBND huyện Phù N đã cấp thửa đất số 863 tờ bản đồ số 23, diện tích 200m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

Kết quả điều tra xác định sổ hộ khẩu không số 149 của hộ Nguyễn Thị D có trong hồ sơ xin cấp đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị D, sinh năm 1945, con Nguyễn Khánh V, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: khu 6, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3325/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị D thửa đất số 989, tờ bản đồ số 24 với diện tích 160m² tại khu vực Dốc Q, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

Quá trình rà soát về thủ tục cấp đất của các hộ dân năm 2008 xác định Lê Quang T, là Phó chủ tịch UBND xã, kiêm trưởng Công an xã Liên H giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2008 đã có hành vi cấp sổ hộ khẩu không cho 03 trường hợp không có hộ khẩu thường trú tại xã Liên H, huyện Phù N để các hộ trên hợp thức đủ điều kiện xin cấp đất làm nhà ở năm 2008. Đến tháng 10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N đã cấp đất làm nhà ở cho 02 trường hợp, tháng 12/2008 cấp cho 01 trường hợp. Cụ thể:

1: Ngày 03/4/2007 ký cấp sổ hộ khẩu không số 151 cho anh Đỗ Quốc L, sinh năm 1979, Vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985, con là Đỗ Thị L, sinh năm 2004; nơi thường trú: ghi Khu 8, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định, thời điểm ký cấp sổ hộ khẩu không anh L và vợ đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Lê M, huyện Phù N. Năm 2009 vợ chồng anh L ly hôn, chị Th chuyển khẩu về xã Liên H và năm 2017 anh L chết.

Ngày 07/10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 1575/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Đỗ Quốc L thửa đất số 549, tờ bản đồ số 20 với diện tích 160m² tại khu vực Gò V, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

2: Ngày 30/8/2006 ký cấp sổ hộ khẩu không số 60 cho anh Phạm Đức Q, sinh năm: 1979, Vợ là Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1984, con là Phạm Huy H, sinh năm 2005; nơi thường trú: ghi Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định, thời điểm ký cấp không sổ hộ khẩu, vợ chồng anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú

cùng với gia đình bố mẹ đẻ tại xã Phú M, huyện Phù N (nay là xã Lệ M). Đến năm 2009, vợ chồng anh Q tách riêng khẩu và từ đó đến nay không chuyển khẩu đi đâu.

Ngày 07/10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 1576/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Phạm Đức Q thừa đất số 550, tờ bản đồ số 20 với diện tích 160m² tại khu vực Gò V, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

3: Ngày 10/10/2008 ký cấp sổ hộ khẩu không số 450055435 cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1965, con là Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1997; nơi thường trú: ghi Khu 5 xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua xác minh xác định, trong sổ quản lý nhân hộ khẩu tại xã Liên H không có người nào tên là Nguyễn Thị L - sinh năm 1965 có con là Nguyễn Mạnh C - sinh năm 1997 nhưng qua rà soát có người tên là Nguyễn Thị T - sinh năm 1964 có con là Nguyễn Mạnh Cường - sinh năm 1997.

Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3314/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị L (Chồng: không) thừa đất số 978, tờ bản đồ số 24 với diện tích 160m² tại khu vực Dốc Q, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T.

Các quyển sổ hộ khẩu do Vũ Văn Y và Lê Quang T lập không, quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù N, không thu giữ được bản gốc, mà chỉ thu giữ 05 sổ hộ khẩu lập không được photocopy và chứng thực sao đúng bản chính, trong hồ sơ xin cấp đất được lưu giữ tại Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Phù N gồm: Sổ hộ khẩu gia đình số 112, 113, 115 do Vũ Văn Y lập không và các sổ hộ khẩu này được Lê Quang T- Phó chủ tịch UBND xã Liên H ký chứng thực sao đúng bản chính ngày 22/02/2008. Sổ hộ khẩu gia đình số 60, 151, 450055435 do Lê Quang T lập không và các sổ hộ khẩu này được Đặng Duy Q - Chủ tịch UBND xã Liên H ký chứng thực sao đúng bản chính ngày 09/10/2007.

Ngày 02/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T giám định hình dấu của UBND xã Liên H và chữ ký của Lê Quang T và Đặng Duy Quang tại phần chứng thực của 05 sổ hộ khẩu trên so với mẫu dấu UBND xã Liên H đang sử dụng và chữ ký của Lê Quang T và Đặng Duy Q.

Tại bản kết luận giám định số: 206/KLGD ngày 09/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T kết luận: *Hình dấu tròn của UBND xã Liên H đóng trên 05 sổ hộ khẩu tại phần chứng thực so với hình dấu của UBND xã Liên H đang sử dụng là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Lê Quang T và Đặng Duy Q trên sổ hộ khẩu tại phần chứng thực so với chữ ký của Lê Quang T và Đặng Duy Q hiện tại là do cùng một người ký ra.*

1.3. Đối với hành vi của Hoàng Kim Th:

Quá trình điều tra đã xác định, trong 18 quyển sổ hộ khẩu do Đặng Trung K ký cấp không như trên, có 07 quyển sổ hộ khẩu gồm: sổ hộ khẩu mang tên chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị H đều do Hoàng Kim Th (thời điểm đó đang là Phó chủ tịch HĐND xã Liên H) trực tiếp viết không nội dung thông tin của các hộ vào các sổ hộ khẩu

trên và điều ghi các hộ trên có nơi thường trú tại xã Liên H, huyện Phù N. Sau khi viết nội dung vào các sổ hộ khẩu trên Hoàng Kim Th đến gặp Đặng Trung K nhờ ký và đóng dấu của Công an xã Liên H để lập không sổ hộ khẩu với mục đích lập hồ sơ xin cấp đất làm nhà ở năm 2010 tại xã Liên H. Trong đó, Thu viết sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị Thu H với mục đích hợp thức việc cấp đất cho anh trai mình là Hoàng Thủy Đ. Viết sổ hộ khẩu mang tên chị Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ng với mục đích hợp thức hồ sơ cấp đất sau đó làm thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp sang cho chính bản thân Th. Viết sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H với mục đích giúp người khác hợp thức thủ tục cấp đất. Trong số 03 sổ hộ khẩu do Tiếp ký cấp không, có 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị L, do Th nhờ T ký lập không sổ hộ khẩu với mục đích lập hồ sơ xin cấp đất làm nhà ở năm 2010 tại xã Liên H, sau đó làm thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp sang cho chính bản thân gia đình Thu. Cụ thể có 03 thửa đất, Th vụ lợi trực tiếp cho bản thân gồm:

1: Thửa đất đứng tên hộ Nguyễn Thị N (không có khẩu tại xã Liên H, không xin cấp đất), Th tự viết thông tin và nhờ K ký cấp không sổ hộ khẩu, sau đó Th mượn tên N làm thủ tục xin cấp đất. Sau khi được UBND huyện Phù N giao thửa đất 997, tờ bản đồ số 24, diện tích 160 m² tại khu vực Dốc Q thuộc khu 6, xã Liên H, Th nhờ Th làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bất hợp pháp thửa đất cấp cho chị N sang tên vợ chồng Th (Vợ chồng Th đã được UBND huyện Phù N cấp giấy CNQSDĐ). Sau đó, Th đã bán cho ông Nguyễn Văn M (chưa qua thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền) với số tiền 190.000.000 đồng. Hiện nay, ông M đang quản lý đất và giấy CNQSDĐ mang tên vợ chồng Th. Trong giai đoạn truy tố Th đã tự nguyện nộp lại số tiền 190.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. VKSND huyện Phù N đã thu giữ và chuyển số tiền trên đến tài khoản tạm giữ của Phòng tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện Phù N số 3941.0.9046327.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Phù N.

2: Thửa đất đứng tên hộ Nguyễn Thị L, Th nhờ Lê Quang T cấp không sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị L, sau đó bản thân Th nhờ người làm thủ tục xin cấp đất mang tên chị L. Khi được UBND huyện Phù N giao thửa đất 978, tờ bản đồ số 24, diện tích 160 m² tại khu vực Dốc Quắc thuộc khu 6, xã Liên H, Th nhờ T làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bất hợp pháp thửa đất cấp cho chị L sang tên vợ chồng Th (Vợ chồng Th đã được UBND huyện Phù N cấp giấy CNQSDĐ). Sau đó, Th đã bán cho ông Nguyễn Văn M (chưa qua thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền) với số tiền 200.000.000 đồng. Hiện nay, ông M đang quản lý đất và giấy CNQSDĐ mang tên vợ chồng Th. Trong giai đoạn truy tố Th đã tự nguyện nộp lại số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. VKSND huyện Phù N đã thu giữ và chuyển số tiền trên đến tài khoản tạm giữ của Phòng tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện Phù N số 3941.0.9046327.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Phù N.

3: Thửa đất đứng tên hộ Nguyễn Thị Ng (không có hộ khẩu tại xã Liên H tại thời điểm xin cấp đất và thực tế không xin cấp đất), Th tự viết thông tin và nhờ K ký cấp không sổ hộ khẩu, sau đó Th mượn tên Ng làm thủ tục xin cấp đất. Sau khi được

UBND huyện Phù N giao thửa đất 987, tờ bản đồ số 24, diện tích 160 m² tại khu vực Dốc Quắc thuộc khu 6, xã Liên H, Th nhò T làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bất hợp pháp thửa đất cấp cho chị Ng sang tên vợ chồng Th (Vợ chồng Th đã được UBND huyện Phù N cấp giấy CNQSDĐ). Trong giai đoạn truy tố Th đã tự nguyện trả lại thửa đất trên và giao giấy CNQSDĐ tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù N.

Ngày 23/3/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T giám định dấu của UBND xã Liên H và chữ ký bà Hoàng Thị U tại phần chứng thực của 07 sổ hộ khẩu trên so với con dấu UBND xã Liên H đang sử dụng và chữ ký của bà Hoàng Thị U.

Tại bản kết luận giám định số: 476/KLGD ngày 27/03/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T kết luận: *Hình dấu tròn của UBND xã Liên H đóng trên 07 sổ hộ khẩu tại phần chứng thực so với hình dấu của UBND xã Liên H đang sử dụng là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Hoàng Thị U trên 07 sổ hộ khẩu tại phần chứng thực so với chữ ký của Hoàng Thị U hiện tại là do cùng một người ký ra.*

2. Về hành vi phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nguyễn Xuân T, qua điều tra xác định:

Nguyễn Xuân T, là cán bộ địa chính UBND xã Liên H. Nhiệm vụ được giao thực hiện công tác quản lý đất đai và thực hiện các công việc như lập bản đồ quy hoạch đất, tham mưu cho lãnh đạo xã trong việc xác nhận hộ dân đủ điều kiện cấp đất, làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, giao đất trên thực địa cùng giấy tờ đất, giải quyết tranh chấp đất đai,...

Từ năm 2006 đến 2010, Nguyễn Xuân T đã lập bản vẽ quy hoạch đất để UBND xã Liên H trình UBND huyện phê duyệt, tham gia xét duyệt và tham mưu cho hội đồng tư vấn đất đối với các hộ có đủ điều kiện để được cấp đất. Hoàn thiện thủ tục xin cấp đất do văn phòng một cửa nhận, chuyển hồ sơ đến UBND huyện xét duyệt; Nhận quyết định, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao cho các hộ dân, đồng thời giao đất trên thực địa. Làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất khi có công dân đến làm thủ tục...

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nguyễn Xuân T đã lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, lập hồ sơ không, để được cấp đất mang tên con gái mình, sau đó chuyển nhượng bất hợp pháp cho người khác để hưởng lợi. Ngoài ra, Nguyễn Xuân T còn lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bất hợp pháp một số thửa đất cấp mang tên một số hộ gia đình, nhưng thực tế họ không xin cấp đất và không được cấp đất để nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân, gồm:

1: Năm 2010, Sau khi nhờ K lập không sổ hộ khẩu, Nguyễn Xuân T đã làm hồ sơ, thủ tục xin cấp đất làm nhà ở tại xã Liên H, đứng tên con gái là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989, chồng Nguyễn Xuân L, sinh năm 1985 ghi có khẩu thường trú tại khu 5, xã Liên H, Phù N, Phú T. Mặc dù tại thời điểm xin cấp đất, T biết Ngân có

chung hộ khẩu với bản thân gia đình mình và L không có khẩu thường trú tại xã Liên H, nhưng T vẫn tham mưu với hội đồng tư vấn hộ gia đình chị Ng đủ điều kiện được cấp đất. Hồ sơ trên đã được Chủ tịch UBND huyện Phù N cấp thửa đất số 891, tờ bản đồ số 23 với diện tích 187m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Sau khi được cấp đất Nguyễn Xuân T đã quản lý đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên. Đến năm 2016 T bán cho bà Tổng Thị Kim C, sinh năm 1963, nơi thường trú: khu 5 xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T mua, nhưng mang tên con là Trương Công H, sinh năm 1987 (vợ là Trần Thị T, sinh năm 1987). Nguyễn Xuân T nhận tiền trực tiếp từ bà C, số tiền bán thửa đất trên T sử dụng chi tiêu cho bản thân và gia đình. UBND huyện Phù N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H, chị T. Năm 2017, T đã mua lại thửa đất trên của vợ chồng bà C và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên (việc mua bán chưa làm thủ tục theo quy định), Hiện nay T đã tự nguyện trả thửa đất trên và giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H, chị T tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù N.

2: Sau khi được Y cấp sổ hộ khẩu không mang tên hộ chị Lê Thị H, thì sổ hộ khẩu đó được sử dụng vào việc hợp thức hồ sơ cấp đất (không xác định được người làm hồ sơ xin cấp đất). Ngày 07/10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 1585/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Lê Thị H, sinh năm: 1970, nơi thường trú: Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T thửa đất số 881, tờ bản đồ số 23 với diện tích 177m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Nhưng qua điều tra xác định chị H không làm đơn xin cấp đất và cũng không được nhận thửa đất trên. Ngày 25/5/2013, Nguyễn Xuân T đã bán thửa đất trên cho chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1975 ở Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N với giá 247.000.000 đồng và làm toàn bộ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất không từ tên hộ gia đình chị Lê Thị H sang cho anh Nông Thanh Tr, sinh năm: 1991 (vợ Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1993) ở khu 5, xã Liên H, huyện Phù N (là con gái và con rể của chị T). UBND huyện Phù N đã cấp giấy CNQSDĐ mang tên anh Tr và chị H, hiện nay gia đình bà T đang quản lý. Nguyễn Xuân T nhận tiền trực tiếp từ chị T và viết "giấy biên nhận bán đất thổ cư" đối với thửa đất trên. Hiện nay, T đã tự nguyện nộp lại số tiền 247.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. VKSND huyện Phù N đã thu giữ và chuyển số tiền trên đến tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện Phù N số 3941.0.9046327.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Phù N.

3: Đối với thửa đất đứng tên hộ chị Nguyễn Thị Hằng N, sau khi được Y cấp sổ hộ khẩu không, thì sổ hộ khẩu đó được sử dụng vào việc hợp thức hồ sơ cấp đất. Ngày 07/10/2008 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 1584/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm: 1972, nơi thường trú: Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T thửa đất số 880, tờ bản đồ số 23 với diện tích 165m² tại khu vực Lâm Tr, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Qua điều tra xác định chị N ban đầu làm đơn xin cấp đất nhưng ngay sau đó đã báo lại bản thân không có nhu cầu xin cấp đất nữa và sau đó cũng không được nhận thửa đất trên. Ngày 19/01/2012, Nguyễn Xuân T đã bán thửa đất trên cho chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm: 1957 ở Khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T với giá 210.000.000 đồng và làm toàn bộ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất không từ tên hộ gia đình chị N sang tên bà T. Bà T đã được UBND

huyện Phù N cấp giấy chứng nhận QSDĐ và hiện nay đang quản lý. Hiện nay, T đã tự nguyện nộp lại số tiền 210.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. VKSND huyện Phù N đã thu giữ và chuyển số tiền trên đến tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện Phù N số 3941.0.9046327.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Phù N.

4: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị D. Qua điều tra xác định thực tế không có người tên là Nguyễn Thị D. Sổ hộ khẩu không mang tên Nguyễn Thị D do Y ký năm 2004, có trong hồ sơ xin cấp đất mang tên Nguyễn Thị D, mà thực tế bà D đã được UBND huyện Phù N cấp đất năm 2006. Quá trình điều tra, không xác định được người làm hồ sơ xin cấp đất. Ngày 23/12/2010 Chủ tịch UBND huyện Phù N ký quyết định số: 3325/QĐ-UBND giao cho chủ hộ Nguyễn Thị D (không chồng) - xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T thửa đất được cấp là thửa đất số 989, tờ bản đồ số 24, diện tích là 160m² tại khu vực Dốc Q, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Ngày 28/8/2012, Nguyễn Xuân T đã làm toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1970 (em trai T, vợ là Phan Thị T) ở khu 5, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T. Hiện anh Tr vẫn đang quản lý giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên hộ gia đình mình.

Ngoài hành vi nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân và giúp Hoàng Kim Th như nêu trên, Nguyễn Xuân T còn vì động cơ cá nhân khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình thực hiện các thủ tục không để chuyển nhượng quyền sử dụng bất hợp pháp 10 thửa đất giúp cho một số hộ gồm: Trần Thị Thủy Ng, Nguyễn Văn H, Trần Thị Kim D, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị H. Cụ thể như sau:

1: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Trần Thị Thúy N (không chồng). Qua điều tra xác định, chữ ký trong hồ sơ xin cấp đất và hồ sơ chuyển nhượng đều không phải chữ ký của Ngân, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho Dương Văn S (vợ là P) ở Thị trấn Phong Ch, huyện Phù N. vợ chồng ông S đã được cấp giấy CNQSDĐ và vẫn đang quản lý thửa đất trên. Hiện vợ chồng ông S đã chuyển nhượng cho ông Vũ Văn T ở khu 8, xã Liên H (chưa làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền).

2: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn H. Quá trình điều tra xác định H không xin cấp đất và không làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 02/4/2014, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn H (vợ là Nguyễn Thị T, là anh trai H), thời điểm chuyển nhượng anh H đang đi lao động nước ngoài. Hiện vợ chồng chị T đã được cấp giấy CNQSDĐ thửa đất trên.

3: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Trần Thị Kim D. Qua điều tra xác định, chị D có xin cấp đất và chuyển nhượng QSDĐ nhưng toàn bộ thủ tục đều nhờ người khác làm và không ký bất cứ văn bản, giấy tờ nào. Ngày 28/6/2012, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn H (vợ là Nguyễn Thị T), vợ chồng chị T đã được cấp giấy CNQSDĐ. Hiện nay chị

D đã mua lại thửa đất trên và đang quản lý giấy CNQSDĐ đứng tên vợ chồng anh H, chị T (chưa làm thủ tục qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

4: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Minh H. Qua điều tra xác định, chị H có làm đơn xin cấp đất nhưng giấy CNQSDĐ đưa ông Vũ Hải Đ cầm và nhờ ông Đ bán đất hộ. Toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ chị không ký bất cứ văn bản, giấy tờ nào. Ngày 30/01/2015, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho ông Tống Văn H (vợ là M). Vợ chồng ông H đã được cấp giấy CNQSDĐ, hiện nay đang quản lý giấy CNQSDĐ và thửa đất trên.

5: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Thu H. Qua điều tra xác định, chị H không làm thủ tục xin cấp đất và không làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 02/8/2012, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho bà Phạm Thị V. Bà V đã được cấp giấy CNQSDĐ và hiện nay bà V đang quản lý đất.

6: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Đ. Qua điều tra xác định, chị Đ không làm thủ tục xin cấp đất và không làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 10/10/2014, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn Th (vợ là Y), anh Th đã được cấp giấy CNQSDĐ và hiện nay đang quản lý đất.

7: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị M. Qua điều tra xác định, chị M không làm thủ tục xin cấp đất và không làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 06/8/2012, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho ông Nguyễn Anh B (vợ là S) là anh trai T, ông B đã được cấp giấy CNQSDĐ và hiện nay đang quản lý đất.

8: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị H. Qua điều tra xác định, chị H không làm thủ tục xin cấp đất và không làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 28/8/2013, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn Th (vợ là Y), anh Th đã được cấp giấy CNQSDĐ và hiện nay đang quản lý đất.

9: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Thu H. Qua điều tra xác định, chị H không làm thủ tục xin cấp đất và không làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 25/01/2013, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn Th (vợ là Y), anh Th đã được cấp giấy CNQSDĐ và hiện nay đang quản lý đất.

10: Đối với thửa đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Th. Qua điều tra xác định, chị Th không làm thủ tục xin cấp đất và không làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 30/6/2014, Nguyễn Xuân T đã làm không toàn bộ thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp thửa đất trên cho bà Lê Thị H (chồng là C). Bà H đã được cấp giấy CNQSDĐ và hiện nay đã bán đất và giao giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Nguyễn Văn T (chưa qua thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền).

Ngày 09/7/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T giám định chữ viết trên "Giấy biên

nhận bán đất thổ cư" so với chữ viết của Nguyễn Xuân T; chữ ký, chữ viết trong "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Đơn xin giao đất để làm nhà ở" so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Ng, Lê Thị H, Nguyễn Thị Hằng N,... có phải do một người ký và viết ra hay không. Tại bản kết luận giám định số: 823/KLGD ngày 25/07/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú T kết luận: *Chữ viết trên "Giấy biên nhận bán đất thổ cư" so với chữ ký của Nguyễn Xuân T trên "Biên bản làm việc, Báo cáo" là do cùng một người viết ra. Chữ ký Lê Thị H trên "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" với chữ ký Lê Thị H trên "Biên bản thu mẫu chữ ký" là chữ khác dạng nên không tiến hành giám định. Các chữ Lê Thị H trên "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" với chữ Lê Thị H trên "Biên bản thu mẫu chữ ký" là không phải do cùng một người viết ra. Các chữ dạng chữ viết "Ng" trên "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" so với chữ ký của Nguyễn Thị Ng trên "Biên bản thu mẫu chữ ký" là chữ khác dạng nên không tiến hành giám định. Các chữ "Nguyễn Thị Ng" trên "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" với các chữ Nguyễn Thị Ng trên "Biên bản thu mẫu chữ ký" là không phải do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết trên "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hằng N trên "Biên bản thu mẫu chữ ký" là không phải do cùng một người viết ra...*

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù N, Nguyễn Xuân T, Hoàng Kim Th, Đặng Trung K, Vũ Văn Y và Lê Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với 03 trường hợp Lê Quang T khai nhận cấp sổ hộ khẩu không về nội dung cho các hộ để hợp thức hồ sơ xin cấp đất để làm nhà ở. Trong đó, sổ hộ khẩu Phạm Đức Q do anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1956 ở Khu 7, xã Liên H, Phù N (Trạm trưởng Trạm y tế xã Liên H) nhờ cấp sổ hộ khẩu; sổ hộ khẩu Đỗ Quốc L do L trực tiếp đến xin cấp sổ hộ khẩu. Khi anh K đến xin cấp sổ hộ khẩu cho anh Q và khi cấp sổ hộ khẩu cho anh L có ông Đặng Duy Q (thời điểm đó là Chủ tịch UBND xã Liên H) đến phòng làm việc trao đổi và bảo T xem xét tạo điều kiện cấp sổ hộ khẩu cho anh L và anh Q. Tuy nhiên, Quá trình điều tra xác minh, anh L chết năm 2017, anh K khai không đến gặp Lê Quang T để xin cấp sổ hộ khẩu. Mặt khác, ông Q khai nhận không chỉ đạo Lê Quang T cấp sổ hộ khẩu không cho anh L và anh Q. Vì vậy, không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn K và Đặng Duy Q.

Trong 25 trường hợp cấp sổ hộ khẩu “không” để hợp thức đủ điều kiện xin cấp đất để làm nhà ở năm 2008 và năm 2010 tại xã Liên H, huyện Phù N. Có 16 trường hợp có tên trong đơn xin cấp đất và quyết định giao đất cũng như Giấy chứng nhận QSDĐ, nhưng không làm thủ tục xin cấp đất và không được nhận đất tại xã Liên H gồm: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu Hx, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu Hv, Phan Thị L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Lê Thị

H, Nguyễn Thị Hằng Ng, Nguyễn Thị D; Nguyễn Thị Ng; Còn lại 09 trường hợp đều được cấp và nhận đất.

Trong 25 trường hợp Chủ tịch UBND huyện Phù N đã cấp đất như nêu ở trên, có 17 trường hợp đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm: Trần Thị Thủy Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Ng, Trần Thị Kim D, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thu Hv, Nguyễn Thị L, Lê Thị Hr, Nguyễn Thị Hằng Ng, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị N. Trường hợp Nguyễn Thị H đã bán nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Trường hợp Phan Thị L và Nguyễn Thị Thu Hr hiện nay không xác định được ai nhận và đang quản lý đất. Còn 05 trường hợp hiện tại đang quản lý gồm: Lê Nguyên T, Phạm Thị V, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Thị T (vợ anh Đỗ Quốc L), Phạm Đức Q.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù N đã làm việc với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Phù N, tạm giữ hồ sơ xin cấp đất làm nhà ở và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của tất cả những trường hợp trên và đã tiến hành xác định hiện trạng các thửa đất trên. Quá trình xác minh xác định thửa đất số 881, tờ bản đồ số 23, khu vực Lâm Tr thuộc khu 5, xã Liên H, huyện Phù N (thửa đất của chị Lê Thị H được cấp và chuyển nhượng cho Nông Thanh Tr, sinh năm: 1991, vợ Nguyễn Thị Thúy H) hiện tại đã xây nhà 2 tầng kiên cố, các thửa đất còn lại chưa xây dựng nhà ở.

Quá trình giải quyết, VKSND huyện Phù N đã ban hành Kiến nghị số: 286/KN-VKS ngày 06/9/2019 đề nghị UBND huyện Phù N thu hồi 06 ô đất gồm: Thửa đất đứng tên hộ chị Nguyễn Thị Ng (con gái Nguyễn Xuân T); Thửa đất đứng tên chị Lê Thị H; Thửa đất đứng tên chị Nguyễn Thị Hằng Ng; Thửa đất đứng tên Nguyễn Thị N; Thửa đất đứng tên Nguyễn Thị Ng; Thửa đất đứng tên Nguyễn Thị L. Đồng thời chuyển 02 Giấy CNQSDĐ (Giấy CNQSDĐ mang tên Hoàng Kim Th và Nguyễn Long S số BM194533 do UBND huyện Phù N cấp ngày 19/11/2012 và Giấy CNQSDĐ mang tên Trương Công H và Trần Thị T số CĐ820717 do UBND huyện Phù N cấp ngày 22/12/2016); Giấy chuyển tiền vào tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện Phù N số 3941.0.9046327.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Phù N số tiền 847.044.000 đồng để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) Sổ hộ khẩu số 450221316 đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Th, đề cấp ngày 12/04/2010; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 450221375 của chủ hộ Nguyễn Văn H, đề cấp ngày 20/8/2010; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 131183324 mang tên Đặng Trung K do Công an tỉnh Phú T cấp ngày 27/02/2012; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 131166745 mang tên Lê Quang Tdo Công an tỉnh Phú T cấp ngày 16/04/2018; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 130576264 mang tên Vũ Văn Y do Công an tỉnh Phú T cấp ngày 11/06/2008; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 130548781 mang tên Nguyễn Xuân T do Công an tỉnh Phú T cấp ngày 14/7/2008 được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự chờ xử lý theo thẩm quyền.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Đặng Trung K đã tự nguyện giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 702016 do UBND huyện Phù Ninh cấp ngày 24/5/2011 đứng tên ông Lê Nguyên T và bà Đặng Thị Tô U đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 34, diện tích 175m², địa chỉ thửa đất tại Dậm D, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T để khắc phục hậu quả.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Phù N đã có Quyết định trả lại vật chứng là 01 Chứng minh nhân dân số 130548781 mang tên Nguyễn Xuân T do Công an tỉnh Phú T cấp ngày 14/7/2008 cho Nguyễn Xuân T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2019/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo các bị cáo Vũ Văn Y và Lê Quang T phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

- Căn cứ các điểm b, c khoản 2, khoản 5 điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Vũ Văn Y 12 (Mười hai) tháng tù giam, được khấu trừ 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tạm giam (Từ ngày 18/3/2019 đến ngày 26/4/2019). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Cấm Vũ Văn Y đảm nhiệm chức vụ và công việc trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ các điểm b, c khoản 2, khoản 5 điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Quang T 12 (Mười hai) tháng tù giam, được khấu trừ 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tạm giam (Từ ngày 18/3/2019 đến ngày 26/4/2019). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Cấm Lê Quang T đảm nhiệm chức vụ và công việc trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác và về xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2019, bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T đề nghị:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú T.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T đề nghị:

Hành vi vi phạm của các bị cáo xảy ra đã 12 năm nay không còn nguy hiểm cho xã hội và cả hai bị cáo đều không có tư lợi cá nhân gì. Trong quá trình chuẩn bị xét xử các bị cáo đều có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Vũ Văn Y và Lê Quang T kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn Y và Lê Quang T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú T đã truy tố, không oan sai. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu được cũng như lời khai của bị cáo khác, nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ căn cứ cho rằng:

Trong năm 2005, vì nể nang và với mục đích hợp thức đủ điều kiện được cấp đất cho một số hộ dân, Vũ Văn Y thời điểm đó là Trưởng Công an xã Liên H giai đoạn từ tháng 07/2004 đến tháng 06/2006 đã có hành vi lập cấp khẩu “khống” cho 03 trường hợp thực tế không có hộ khẩu thường trú tại xã Liên H, huyện Phù N gồm: Lê Thị H, Nguyễn Minh H và Nguyễn Thị Hằng N để các hộ trên hợp thức đủ điều kiện xin cấp đất làm nhà ở năm 2008. Năm 2004, Yên có hành vi lập cấp khẩu khống cho 01 trường hợp Nguyễn Thị D để hộ trên hợp thức thủ tục xin cấp đất làm nhà ở năm 2006 và đến năm 2010 sổ hộ khẩu này được dùng để hợp thức cấp đất cho hộ mang tên bà Nguyễn Thị D và đã được UBND huyện Phù N giao 04 thửa đất mang tên các hộ trên.

Từ năm 2006 đến 2008, vì nể nang và với mục đích hợp thức đủ điều kiện được cấp đất cho một số hộ dân, Lê Quang T là Phó chủ tịch UBND xã kiêm Trưởng Công an xã Liên H giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2008 đã có hành vi lập cấp khẩu “khống” cho 03 trường hợp không có hộ khẩu thường trú tại xã Liên H, huyện Phù N gồm: Phạm Đức Q, Đỗ Quốc L, Nguyễn Thị L để các hộ trên hợp thức đủ điều kiện xin cấp đất làm nhà ở năm 2008 và 2010 và đã được UBND huyện Phù N giao 03 thửa đất mang tên các hộ trên.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Giả mạo trong công tác” cần xử lý nghiêm minh theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Các bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ về hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Cụ thể:

- Đối với bị cáo Vũ Văn Y: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, trong quá trình công tác đã có nhiều thành tích xuất sắc; mẹ đẻ của bị cáo là Mẹ Việt Nam anh hùng. Hội đồng xét xử sơ thẩm cân nhắc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và quyết định hình phạt cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo ngoài xã hội, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo cung cấp được thêm các tài liệu chứng cứ mới để bổ sung cho việc xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đó là Công văn số 05/CV-UBND ngày 09/3/2020 của UBND xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Công văn số 236/UBND-CV ngày 09/3/2020 của UBND huyện Phù N, tỉnh Phú T về việc xác nhận quá trình công tác đối với cán bộ các Liên H; Đơn xin xác nhận ngày 05/5/2020 về việc đã giúp đỡ Cơ quan công an trong việc điều tra khám phá nhiều vụ án có xác nhận của Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Vĩnh P.

- Đối với bị cáo Lê Quang T: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm t, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, trong quá trình giải quyết vụ án, đã tích cực hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân để nhanh chóng làm rõ vụ án; trong quá trình công tác đã có nhiều thành tích xuất sắc; bố mẹ đẻ của bị cáo đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương do đã có thành tích trong kháng chiến. Hội đồng xét xử sơ thẩm cân nhắc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và quyết định hình phạt cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo ngoài xã hội, tại

phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo cung cấp được thêm các tài liệu chứng cứ mới để bổ sung cho việc xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đó là Công văn số 05/CV-UBND ngày 09/3/2020 của UBND xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Công văn số 236/UBND-CV ngày 09/3/2020 của UBND huyện Phù N, tỉnh Phú T về việc xác nhận quá trình công tác đối với cán bộ các Liên H. Đơn xin xác nhận ngày 10/4/2020 về việc đã giúp đỡ Cơ quan công an trong việc điều tra khám phá nhiều vụ án và cung cấp thông tin bắt đối tượng đang bị truy nã có xác nhận của Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Vĩnh P.

Đối với những tài liệu, chứng cứ mới do bị cáo Lê Quang T và Vũ Văn Y cung cấp. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Thứ nhất: Công văn số 236/UBND-CV ngày 09/3/2020 của UBND huyện Phù N, tỉnh Phú T về việc xác nhận quá trình công tác đối với cán bộ các Liên H thể hiện nội dung bị cáo Lê Quang T và Vũ Văn Y trong quá trình công tác đã có những cống hiến để xây dựng quê hương phát triển, có nhiều thành tích được tặng thưởng nhiều danh hiệu khen thưởng, vấn đề này tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

- Thứ hai: Công văn số 05/CV-UBND ngày 09/3/2020 của UBND xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú T về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đây là tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo và Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng lên cho các bị cáo mức án 12 tháng tù đây là đã là mức hình phạt khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 cho tội “Giả mạo trong công tác”. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Thứ ba: Đơn xin xác nhận ngày 05/5/2020 của bị cáo Vũ Văn Y; Đơn xin xác nhận ngày 10/4/2020 của bị cáo Lê Quang T đều có xác nhận của Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Vĩnh P. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy 02 Đơn xin xác nhận của các bị cáo chỉ có xác nhận của phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Vĩnh P về nội dung đơn của các bị cáo. Đây không phải là công văn của Cơ quan công an và cũng không có quan điểm của Cơ quan công an về việc đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, căn cứ các quy định của pháp luật thì 02 Đơn xin xác nhận của các bị cáo chưa đủ điều

kiện để xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T đề nghị bác đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Luật sư bào chữa cho các bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Xét thấy đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù N, tỉnh Phú T.

[2] Tuyên bố bị cáo các bị cáo Vũ Văn Y và Lê Quang T và phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

- Căn cứ các điểm b, c khoản 2, khoản 5 điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Vũ Văn Y 12 (Mười hai) tháng tù giam, được khấu trừ 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tạm giam (Từ ngày 18/3/2019 đến ngày 26/4/2019). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Cấm Vũ Văn Y đảm nhiệm chức vụ và công việc trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ các điểm b, c khoản 2, khoản 5 điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Quang T 12 (Mười hai) tháng tù giam, được khấu trừ 01 (Một) tháng 10 (Mười) ngày tạm giam (Từ ngày 18/3/2019 đến ngày 26/4/2019). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Cấm Lê Quang T đảm nhiệm chức vụ và công việc trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

[3] Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vũ Văn Y, Lê Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú T;
- CA, TA, VKS, THADS huyện Phù N;
- Các bị cáo;
- Luật sư bào chữa cho các bị cáo;
- PV 06 CA tỉnh Phú T;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Việt